

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO 3

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 127/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 127/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

Chương I

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 04/2021/NĐ-CP NGÀY 22 THÁNG 01 NĂM 2021 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 127/2021/NĐ-CP NGÀY 30 THÁNG 12 NĂM 2021 CỦA CHÍNH PHỦ

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 8 và khoản 16 Điều 4

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Buộc thỏa thuận với người học để chuyển người học đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác đủ điều kiện được phép hoạt động giáo dục hoặc ngành đào tạo khác của cơ sở đào tạo hoặc chuyển sang cùng ngành tại cơ sở đào tạo khác khi đáp ứng các điều kiện theo quy định hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học và giải quyết hậu quả nếu không chuyển được”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Buộc giảm số lượng tuyển sinh năm tiếp theo tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm tối thiểu bằng số lượng đã tuyển sinh vượt”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 16 như sau:

“16. Buộc tổ chức bảo vệ luận văn, học phần tốt nghiệp luận án, khóa luận, đồ án hoặc tổ chức đánh giá lại luận văn, luận án, khóa luận, đồ án theo quy định”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 5

“5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thỏa thuận với người học để chuyển người học đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác đủ điều kiện được phép hoạt động giáo dục hoặc chuyển sang ngành đào tạo khác của cơ sở đào tạo hoặc chuyển sang cùng ngành tại cơ sở đào tạo khác khi đáp ứng các điều kiện theo quy định hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học và giải quyết hậu quả nếu không chuyển được đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 7 Điều 6

“b) Buộc thỏa thuận với người học để chuyển người học đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác đủ điều kiện được phép hoạt động giáo dục hoặc chuyển sang ngành đào tạo khác của cơ sở đào tạo hoặc chuyển sang cùng ngành tại cơ sở đào tạo khác khi đáp ứng các điều kiện theo quy định hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học và giải quyết hậu quả nếu không chuyển được đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 5 Điều này”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 7

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“Công khai không đầy đủ nội dung, không đúng cách thức và thời gian theo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các văn bản pháp luật có liên quan;”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục đại học tư thục, cơ sở giáo dục đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Quá thời hạn 06 tháng kể từ ngày cơ sở giáo dục đại học được thành lập, cho phép thành lập hoặc chuyển đổi loại hình trường hoặc từ ngày hội đồng trường hết nhiệm kỳ mà không thành lập hội đồng trường theo quy định;

b) Quá thời hạn 06 tháng kể từ ngày hội đồng trường được thành lập mà hội đồng trường không quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng;

c) Thực hiện không đúng quy trình thành lập hội đồng trường hoặc quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng.”;

3. Bổ sung khoản 4a sau khoản 4 như sau:

“4a. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động tuyển sinh trong 12 tháng đối với hành vi quy định tại điểm a, b, c khoản 4 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động đào tạo 12 tháng đối với các trường hợp đã bị đình chỉ hoạt động tuyển sinh theo quy định tại điểm a khoản này nhưng không khắc phục được hành vi vi phạm;

c) Giải thể cơ sở giáo dục đại học đối với các trường hợp hết thời hạn đình chỉ hoạt động đào tạo theo quy định tại điểm b khoản này nhưng không khắc phục được hành vi vi phạm.”.

Điều 5. Bổ sung Điều 7a sau Điều 7

“Điều 7a. Vi phạm quy định về Chuẩn cơ sở giáo dục đại học

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục đại học có một hoặc nhiều tiêu chí của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học không đạt yêu cầu theo kết quả được Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố hằng năm.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động tuyển sinh từ 06 tháng đến 12 tháng đối với cơ sở giáo dục đại học có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này mà trong hai năm liên tiếp vẫn không khắc phục được, dẫn đến không đạt ít nhất một tiêu chí của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học theo công bố của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cơ sở giáo dục đại học xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch khắc phục, bảo đảm đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học trong thời hạn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.”

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 8

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi: Thông báo tuyển sinh, công bố Thông tin tuyển sinh không đúng hoặc không đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật hiện hành.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Thực hiện tuyển sinh không đúng phương thức tuyển sinh theo Thông tin tuyển sinh đã công bố; không bảo đảm ngưỡng đầu vào đối với các ngành đào tạo có ngưỡng đầu vào theo quy định hiện hành.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động tuyển sinh từ 06 tháng đến 12 tháng đối với ngành tuyển sinh vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Trục xuất người nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thỏa thuận với người học để chuyển người học đã nhập học sang ngành đào tạo khác của cơ sở đào tạo hoặc chuyển sang cùng ngành tại cơ sở đào tạo khác khi đáp ứng các điều kiện theo quy định hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học và giải quyết hậu quả nếu người học không chấp nhận thỏa thuận chuyển đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, và 4 Điều này.”

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 9

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động tuyển sinh từ 12 tháng đến 18 tháng kể từ ngày có kết luận vi phạm của cơ quan có thẩm quyền đối với các ngành tuyển sinh vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều này.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 7 như sau:

“b) Buộc thỏa thuận với người học để chuyển người học đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác đủ điều kiện được phép hoạt động giáo dục hoặc ngành đào tạo khác của cơ sở đào tạo hoặc chuyển sang cùng ngành tại cơ sở đào tạo khác khi đáp ứng các điều kiện theo quy định hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học và giải quyết hậu quả nếu người học không chấp nhận thỏa thuận chuyển đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này nếu người học không có lỗi.”

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 10

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Phạt tiền đối với hành vi tuyển sinh trình độ đại học vượt số lượng theo quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh với các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 3% trở lên và có số lượng vượt từ 10 người học đến 30 người học;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 3% trở lên và có số lượng vượt từ 31 người học đến 60 người học;

c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 3% trở lên và có số lượng vượt từ 61 người học đến 100 người học;

d) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi tuyển vượt từ 3% trở lên và có số lượng vượt từ 101 người học trở lên.”

2. Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 như sau:

“4a. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động tuyển sinh từ 12 tháng đến 18 tháng đối với hành vi tuyển vượt chỉ tiêu trên 20% của 2 năm liên tiếp.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc giảm chỉ tiêu tuyển sinh năm sau tối thiểu bằng chỉ tiêu đã tuyển sinh vượt theo quy định về xác định chỉ tiêu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 và 4 Điều này sau khi đã xác định chỉ tiêu theo quy định và phải thực hiện các giải pháp tăng đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất và các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo.”

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 11

1. Bổ sung khoản 1a sau khoản 1 như sau:

“1a. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng kế hoạch hoặc không thực hiện kế hoạch hoặc tổ chức giảng dạy không đúng kế hoạch”;

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm về chương trình đào tạo như sau:

a) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng chương trình đào tạo không đúng quy trình theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng chương trình đào tạo không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo hoặc gian lận để đáp ứng các quy định về chuẩn chương trình đào tạo.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 10 như sau:

“10. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc dạy đủ số tiết, khối lượng học tập hoặc bố trí dạy đủ số tiết, khối lượng học tập đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này;

b) Buộc tổ chức bảo vệ luận văn, học phần tốt nghiệp luận án đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;

c) Buộc tổ chức đánh giá lại luận văn, luận án đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 Điều này;

d) Buộc xây dựng lại chương trình đào tạo theo đúng quy định của pháp luật hiện hành đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này và buộc dạy đủ số tiết, khối lượng học tập trong trường hợp chương trình đào tạo xây dựng không đáp ứng khối lượng học tập tối thiểu hoặc yêu cầu về nội dung chương trình đào tạo theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo.”

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 12

“a) Buộc thỏa thuận với người học để chuyển người học đã nhập học sang ngành đào tạo khác của cơ sở đào tạo hoặc chuyển sang cùng ngành tại cơ sở đào tạo khác khi đáp ứng các điều kiện theo quy định hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học và giải quyết hậu quả nếu người học không chấp nhận thỏa thuận chuyển đổi với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.”

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Điều 13

“Điều 13. Vi phạm quy định về đào tạo liên thông, đào tạo từ xa, liên kết đào tạo

1. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về đào tạo liên thông, đào tạo từ xa, liên kết đào tạo theo các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không công khai hoặc công khai không đầy đủ các nội dung về đào tạo liên thông, đào tạo từ xa, liên kết đào tạo theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi ký hợp đồng liên kết đào tạo không đầy đủ nội dung thỏa thuận về mức thu lệ phí tuyển sinh, học phí, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết đào tạo theo quy định của pháp luật hiện hành;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về trách nhiệm của các bên tham gia liên kết đào tạo;

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi liên kết đào tạo cấp bằng chính quy;

đ) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi liên kết đào tạo với đối tác không đúng quy định của pháp luật hiện hành;

e) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi liên kết đào tạo khi chưa có văn bản cho phép thực hiện liên kết đào tạo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tự chủ liên kết đào tạo khi chưa bảo đảm điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành;

g) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi đào tạo liên thông, đào tạo từ xa, liên kết đào tạo khi chưa đáp ứng các yêu cầu tối thiểu để thực hiện đào tạo liên thông, đào tạo từ xa, liên kết đào tạo theo quy định.

2. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động đào tạo liên thông, đào tạo từ xa, liên kết đào tạo từ 12 tháng đến 18 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm d, đ, e và g khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thỏa thuận với người học để chuyển người học đã nhập học sang ngành đào tạo khác của cơ sở đào tạo hoặc chuyển sang cùng ngành tại cơ sở đào tạo khác khi đáp ứng các điều kiện theo quy định hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học và giải quyết hậu quả nếu người học không chấp nhận thỏa thuận chuyển đổi với hành vi vi phạm quy định tại điểm d, đ, e và g khoản 1 Điều này.”

Điều 12. Bổ sung khoản 1a sau khoản 1 Điều 15

“1a. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ không đúng quy định của pháp luật hiện hành”.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung tên Mục 5 Chương II

“Mục 5. CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ DẠY THÊM, HỌC THÊM; TƯ VẤN DU HỌC; HỢP TÁC, ĐẦU TƯ CỦA NƯỚC NGOÀI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC”.

Điều 14. Bổ sung Điều 16a trước Điều 16

“Điều 16a. Vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tổ chức dạy thêm, học thêm đối với học sinh tiểu học không đúng quy định của pháp luật hiện hành;

b) Dạy thêm ngoài nhà trường có thu tiền của người học thuộc trường hợp không được dạy thêm theo quy định của pháp luật hiện hành hoặc không báo cáo với Hiệu trưởng, Giám đốc, người đứng đầu nhà trường;

c) Tham gia quản lý, điều hành việc dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường không đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục có một trong các hành vi vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm trong nhà trường như sau:

a) Tổ chức dạy thêm không đúng đối tượng theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Tổ chức dạy thêm khi không có đơn đăng ký học thêm của người học theo từng môn học ở từng khối lớp;

c) Không xây dựng kế hoạch tổ chức dạy thêm đối với từng môn học ở từng khối lớp;

d) Không công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường hoặc không niêm yết tại nhà trường kế hoạch tổ chức dạy thêm theo quy định của pháp luật hiện hành;

đ) Xếp lớp, xếp thời khóa biểu và tổ chức dạy thêm, học thêm không bảo đảm một trong các yêu cầu theo quy định của pháp luật hiện hành;

e) Thu tiền dạy thêm, học thêm.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường như sau:

a) Tổ chức dạy thêm, học thêm khi không có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

b) Không công khai hoặc công khai không đầy đủ, công khai không đúng với thực tế các nội dung về tổ chức dạy thêm, học thêm theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động giáo dục hoặc dịch vụ giáo dục từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc trả lại số tiền đã thu và chịu mọi chi phí tổ chức trả lại đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 2; điểm a khoản 3 Điều này.”

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 19

1. Bổ sung điểm c và điểm d vào khoản 1 như sau:

“c) Không công bố công khai hoặc công khai không đầy đủ thông tin liên quan về chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài theo quy định;

d) Không thực hiện kiểm định chương trình liên kết đào tạo theo quy định.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tổ chức giảng dạy chương trình liên kết giáo dục, liên kết đào tạo với nước ngoài không đúng nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Đội ngũ giảng viên không đáp ứng quy định của pháp luật và quy định của chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài”;

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động liên kết giáo dục, liên kết đào tạo từ 12 tháng đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này”;

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thỏa thuận với người học để chuyển người học đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác đủ điều kiện được phép hoạt động giáo dục hoặc ngành đào tạo khác của cơ sở đào tạo hoặc chuyển sang cùng ngành tại cơ sở đào tạo khác khi đáp ứng các điều kiện theo quy định hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học và giải quyết hậu quả nếu người học không chấp nhận thỏa thuận chuyển đổi với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.”

Điều 16. Bổ sung một số điểm, khoản của Điều 34

1. Bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

“c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không triển khai hoặc triển khai không đầy đủ kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục sau khi được cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục”.

2. Bổ sung điểm đ, điểm e khoản 2 như sau:

“đ) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện giám sát sau kiểm định theo quy định;

e) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi can thiệp trái quy định vào kết quả đánh giá ngoài hoặc hợp thức hóa kết quả kiểm định không đúng thực tế.”

3. Bổ sung khoản 2a sau khoản 2 như sau:

“2a. Phạt tiền đối với cá nhân là kiểm định viên, chuyên gia đánh giá ngoài:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tham gia đoàn đánh giá ngoài khi không đủ điều kiện theo quy định;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tiết lộ thông tin đánh giá, báo cáo không trung thực, vi phạm đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động đánh giá.”

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 35

“b) Công chức Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo; công chức chuyên trách công tác quản lý giáo dục tại Ủy ban nhân dân các cấp; các bộ, cơ quan ngang bộ đang thi hành công vụ, nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.”

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Điều 36

“Điều 36. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là cấp xã) có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi là cấp tỉnh) có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.”

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung Điều 37

“Điều 37. Thẩm quyền xử phạt của Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo và một số chức danh khác

1. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Trưởng đoàn kiểm tra do Cục trưởng các Cục thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập, gồm: Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Cục Quản lý chất lượng, Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin, Cục Hợp tác quốc tế, Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 60.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

2. Cục trưởng Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên, Thủ trưởng tổ chức thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo được giao nhiệm vụ kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.”

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Điều 38

“Điều 38. Thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 7.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng.

2. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

3. Trưởng phòng An ninh y tế, giáo dục thuộc Cục An ninh chính trị nội bộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ thuộc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 60.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

4. Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh thuộc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 60.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất;

e) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

5. Cục trưởng Cục An ninh Chính trị nội bộ; Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, xã hội; Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

5. Giám đốc Công an cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng hình thức xử phạt trực xuất;

e) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.”

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung Điều 39

“Điều 39. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 36 Nghị định này trong phạm vi quản lý của địa phương mình.

2. Trưởng đoàn kiểm tra do Thủ trưởng tổ chức thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực; Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập; Thủ trưởng tổ chức thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo được giao nhiệm vụ kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; Cục trưởng Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên có thẩm

quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 37 Nghị định này và theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Người có thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 38 Nghị định này và theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, cụ thể như sau:

a) Giám đốc Công an cấp tỉnh xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại: các điểm a, b, c khoản 3 Điều 5; các khoản 3, 4 và các điểm a, b khoản 5 Điều 6; khoản 4 Điều 8 Nghị định này;

b) Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại: khoản 3 Điều 5; các khoản 3, 4, 5 Điều 6; khoản 4 Điều 8 Nghị định này;

c) Cục trưởng Cục An ninh Chính trị nội bộ xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại: các khoản 1, 2 Điều 5; các khoản 1, 2 Điều 6; Điều 7; các khoản 1, 2, 3 Điều 8; các Điều 9, 10; các mục 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Chương II; hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 5 và các khoản 3, 4, 5 Điều 6, khoản 4 Điều 8 Nghị định này trừ trường hợp đối tượng thực hiện hành vi vi phạm là người nước ngoài.”

Điều 22. Bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản tại một số điều của Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 127/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ

1. Bỏ cụm từ “trường trung cấp” tại điểm a khoản 1 Điều 2; điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 25. Bỏ cụm từ “trung cấp” tại điểm b khoản 1 Điều 2, tên khoản 2 Điều 10.

2. Bỏ cụm từ “quy định tại khoản 4 Điều này” tại điểm b khoản 2 Điều 3a.

3. Bãi bỏ điểm d khoản 3 Điều 5; điểm c khoản 5 Điều 6.

Chương II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 88/2022/NĐ-CP NGÀY 26 THÁNG 10 NĂM 2022 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung điểm k và bãi bỏ một số cụm từ tại khoản 2 Điều 2

1. Sửa đổi, bổ sung điểm k khoản 2 như sau:

“k) Tổ chức đánh giá kỹ năng nghề quốc gia;”

2. Bỏ các cụm từ: “Trường trung cấp sư phạm” tại điểm đ; cụm từ “thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” tại điểm l, điểm m; cụm từ: “trung cấp sư phạm” tại điểm n khoản 2.

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 12

“6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không biên soạn hoặc lựa chọn ban hành chương trình bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp theo quy định.”

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 37

“2. Công chức Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo; công chức chuyên trách công tác quản lý giáo dục tại Ủy ban nhân dân các cấp, các bộ, cơ quan ngang bộ; người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đang thi hành công vụ, nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao”.

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều 38

“Điều 38. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là cấp xã) có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi là cấp tỉnh) có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.”

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Điều 39

“Điều 39. Thẩm quyền xử phạt của Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và một số chức danh khác

1. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Trưởng đoàn kiểm tra do Cục trưởng Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên thành lập có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 60.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

2. Cục trưởng Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên; Trưởng đoàn kiểm tra chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.”

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung Điều 40

“Điều 40. Thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân

- 1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 7.500.000 đồng;
 - c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 15.000.000 đồng.
- 2. Trưởng Công an cấp xã có quyền:
 - a) Phạt cảnh cáo;
 - b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng;
 - c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
 - d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
 - đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

3. Trưởng phòng An ninh y tế, giáo dục thuộc Cục An ninh chính trị nội bộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu

hộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ thuộc Công an cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 60.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

4. Trưởng phòng Quản lý xuất nhập cảnh thuộc Công an cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 60.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất;
- e) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

5. Cục trưởng Cục An ninh Chính trị nội bộ; Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, xã hội; Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

5. Giám đốc Công an cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng hình thức xử phạt trực xuất;
- e) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.”

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 41

“4. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này”.

Điều 30. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 42

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Các khoản 1, 2 và 3 Điều 6; các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 7; Điều 8; khoản 1, điểm a và b khoản 2, khoản 3 Điều 10; khoản 1, điểm a và b khoản 2, điểm a và b khoản 3, khoản 4 và 5 Điều 11; các khoản 1, 2, 3, 4 và 7 Điều 12; các Điều 13, 14, 16 và 17; khoản 1 và 2 Điều 18; điểm a và b khoản 1, điểm a và b khoản 2, các khoản 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 19; Điều 20; Điều 21; các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 22; các Điều 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 33 và 34 Nghị định này;”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, Cục trưởng Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên, Trưởng đoàn kiểm tra chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại Điều 39 Nghị định này và theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này, trừ các hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 và 5 Điều 6, khoản 4 Điều 10, khoản 3 Điều 18 Nghị định này trong trường hợp đối tượng vi phạm là người nước ngoài”.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.
2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị định này.
3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này.

Điều 32. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục, giáo dục nghề nghiệp xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng quy định của Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 127/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ, Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp để xử lý, trừ trường hợp các Nghị định nêu trên không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn đối với hành vi xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì áp dụng quy định tại Nghị định này.

2. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính có khiếu nại thì áp dụng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020, Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 127/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ, Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan để giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, PL (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Lê Thành Long